

Bản án số: 68 /2017/ HNGĐ –ST

Ngày: 18 / 8 /2017

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tháo.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Võ Văn Minh;

2. Phan Quang Đình.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Minh Quyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 199/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 31/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BH1, xã ĐHL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BT, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10/4/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:*

Chị và anh Huỳnh Văn T cưới nhau vào năm 2010, trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đánh nhau, Vì vậy, anh T và chị L ly thân

từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân, anh T có hăm dọa chị và đập phá đồ đạc của chị L. Nay chị không còn tình cảm với anh T, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 18/3/2013. Hiện cháu Khoa đang sống với chị. Chị L yêu cầu nuôi cháu Khoa và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, chị L cho rằng do không đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh con chỉ ghi tên họ mẹ là Nguyễn Thị L không ghi tên Huỳnh Văn T và chị L không có gì chứng minh là con anh T, anh T cũng không có lời khai xác nhận con của mình, nên chị L xác định cháu Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 18/3/2013 là con riêng của chị nên chị không có yêu cầu gì về con chung, chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 18/3/2013.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Anh Huỳnh Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Tòa án chưa gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát là vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án khắc phục.

Nguyên đơn chấp hành tốt quy định bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Tại phiên tòa chị L xác định Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 18/3/2013 là con riêng của chị L và không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không có yêu cầu, nên không xét đến.

Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Anh Huỳnh Văn T là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*;

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn lời khai này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa Lộc, huyện BD và Ủy ban nhân dân thị trấn BD, huyện BD. Xét thấy anh T và chị L cưới nhau vào năm 2010 và cho đến năm 2017 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn lẽ ra phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định tại điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng không thực hiện nên quan hệ giữa anh T và chị L không làm phát sinh về quyền và nghĩa giữa vợ và chồng. Căn cứ vào điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh T và chị L là vợ chồng.

[2] *Về con*: Chị L xác định cháu Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 18/3/2013 là con riêng của chị và chị tiếp tục nuôi dưỡng và không có yêu cầu gì giải quyết trong vụ án này.

[3] *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] *Về nợ chung*: Chị L khai không có, nên không xét đến.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm* theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng.

2. Về con: Chị L xác định cháu Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 18/3/2013 là con riêng của chị và chị tiếp tục nuôi dưỡng và không có yêu cầu gì giải quyết trong vụ án này.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị L khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005606 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre. Vậy án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Huỳnh Văn T vắng mặt cũng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Ủy ban nhân dân xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo